

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32 /NQ-HĐND

Quảng Trách, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
huyện Quảng Trách năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Bình về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của UBND huyện Quảng Trách tại Tờ trình số 273/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Quảng Trách về việc đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách địa phương huyện Quảng Trách năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 153/BC-KTXH ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của huyện Quảng Trách như sau:



I. Tổng thu NSNN năm 2025: 1.078.187 triệu đồng

Trong đó, Ngân sách địa phương hưởng năm 2025: 1.028.377 triệu đồng.
Bao gồm:

- **Thu ngân sách trên địa bàn: 290.350 triệu đồng, trong đó**
 - Ngân sách địa phương hưởng:* 240.540 triệu đồng, gồm:
 - Ngân sách huyện hưởng: 197.270 triệu đồng.
 - Ngân sách xã hưởng: 43.270 triệu đồng.
- **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 777.386 triệu đồng, gồm:**
 - + Thu cân đối: 678.108 triệu đồng
 - + Thu bổ sung có mục tiêu: 99.278 triệu đồng
- **Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý: 4.424 triệu đồng**
- **Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang: 6.027 triệu đồng.**

II. Tổng chi NSNN năm 2025: 1.028.377 triệu đồng

- **Chi đầu tư phát triển: 200.637 triệu đồng, cụ thể:**
 - + Vốn tập trung: 19.717 triệu đồng
 - + Vốn quỹ đất: 180.920 triệu đồng
- **Chi thường xuyên: 767.601 triệu đồng, cụ thể:**
 - + Chi quốc phòng, an ninh: 23.026 triệu đồng;
 - + Chi giáo dục, đào tạo: 421.788 triệu đồng;
 - + Chi y tế, dân số: 51.505 triệu đồng;
 - + Chi VH TT, TDTT: 4.997 triệu đồng;
 - + Chi SN phát thanh - TH: 85 triệu đồng;
 - + Chi bảo vệ môi trường: 7.465 triệu đồng;
 - + Chi SN kinh tế: 20.697 triệu đồng;
 - + Chi QLNN, Đảng, đoàn thể: 164.950 triệu đồng;
 - + Chi ĐBXH: 70.227 triệu đồng;
 - + Chi khác: 2.861 triệu đồng;
- **Chi dự phòng ngân sách: 18.582 triệu đồng.**
- **Dự phòng bù hụt thu: 3.000 triệu đồng.**
- **Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 38.557 triệu đồng**

(Số liệu Chi chi tiết thể hiện tại Phụ lục 01, 02, 03 đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong quá trình thực hiện nếu có những phát sinh ngoài



dự toán, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch khoá XX, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH và ĐT;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- VP và các Ban Huyện Ủy;
- Các phòng chuyên môn;
- Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- Website huyện Quảng Trạch;
- Lưu: VT.

(để B/cáo)



CHỦ TỊCH

Vũ Thị Mai



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: *HNQ/HĐND* ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh (*)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	814.356	1.257.530	1.028.377	-229.153	81,78
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	237.900	274.428	240.540	-33.888	87,65
-	Thu NSDP hưởng 100%	62.403	143.508	112.558	-30.950	78,43
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	175.497	130.920	127.982	-2.938	97,76
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	574.356	840.326	777.386	-62.940	92,51
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	541.022	655.796	678.108	22.312	103,40
2	Thu bổ sung có mục tiêu	33.334	184.530	99.278	-85.252	53,80
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		97			
IV	Thu điều tiết từ các đơn vị ngân sách tỉnh quản lý	2.100		4.424	4.424	
V	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		140.409	6.027	-134.382	4,29
VI	Thu kết dư		2.270			
B	TỔNG CHI NSDP	814.356	1.177.375	1.028.377	214.021	126,28
I	Tổng chi cân đối NSDP	804.556	899.240	989.820	185.264	123,03
1	Chi đầu tư phát triển	200.523	302.276	200.637	114	100,06
2	Chi thường xuyên	586.019	578.950	767.601	181.582	130,99
3	Dự phòng ngân sách	15.014	15.014	18.582	3.568	123,76
4	Dự phòng bù hụt thu	3.000	3.000	3.000	0	100,0
II	Chi các chương trình mục tiêu	9.800	102.927	38.557	28.757	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		27.310			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	9.800	75.618	38.557	28.757	
III	Chi nộp ngân sách cấp trên		9.834			
IV	Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách		165.374			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quang Trach)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	343.503	274.428	290.350	240.540	84,5	87,7
I	Thu nội địa	338.993	269.918	290.350	240.540	85,7	89,1
1	Thu từ khu vực DNNN do nhà nước giữ vai trò chủ đạo	1.718	1.292				
	- Thuế giá trị gia tăng	750	750				
	- Thuế Tài nguyên	425					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	543	543				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	23.542	23.542	24.000	24.000		
	- Thuế giá trị gia tăng	16.413	16.413	22.755	22.755	138,6	138,6
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.480	1.480	1.000	1.000	67,6	67,6
	- Thuế tài nguyên	5.619	5.619	230	230	4,1	4,1
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	30	15	15	50,4	50,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.438	7.284	7.800	7.800	121,2	107,1
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Lệ phí trước bạ	19.932	19.674	20.000	20.000		
7	Thu phí, lệ phí	8.757	3.913	3.000	3.000	34,3	76,7
	- Phí và lệ phí cấp trên thu						
	- Phí và lệ phí huyện			1.653	1.653		
	- Phí và lệ phí xã, phường			1.347	1.347		
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	129	124	50	50		
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.048	1.448	500	250	16,4	17,3
11	Thu tiền sử dụng đất	262.507	207.027	228.000	180.920	86,9	87,4
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.704	1.961				
15	Thu khác ngân sách	5.562	996	5.500	3.020	98,9	303,2
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.657	2.657	1.500	1.500	56,5	56,5
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
18	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						
V	Các khoản huy động theo quy định của pháp luật	4.511	4.511				

[Handwritten signature]

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 193/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Dự toán năm 2025 tính giao	Dự toán năm 2025	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1		2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	814.356	1.028.377	1.028.377	214.021	126,3
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	804.556	929.099	989.820	185.264	123,0
I	Chi đầu tư phát triển	200.523	200.637	200.637	114	100,1
1	Chi đầu tư cho các dự án	200.523	200.637	200.637	114	100,1
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>					
-	Vốn tập trung	19.723	19.717	19.717	-6	100,0
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	180.800	180.920	180.920	120	100,1
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	586.019	709.880	767.601	181.582	131,0
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	319.647	415.091	421.788	102.141	132,0
III	Dự phòng ngân sách	15.014	18.582	18.582	3.568	123,8
IV	Dự phòng bù hụt thu	3.000		3.000	0	100,0
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	9.800	99.278	38.557	28.757	393,4
1	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông		218			
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đạt chuẩn quốc gia		10.650	6.650		
3	Kinh phí ứng dụng phần mềm ngành tài chính công khai ngân sách; kinh phí đào tạo...		477	112		
4	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội tăng thêm		33.596			
5	Bổ sung tăng sự nghiệp kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp các công trình xây dựng cơ bản		9.924	9.800		
6	KP hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ không chuyên trách ở thôn và tổ dân phố		5.728			
7	KP tiền lương đối với hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết 193/2024/NQ-HĐND		6.082			
8	Hỗ trợ kinh phí tiền lương và chi hoạt động đối với lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với khối quản lý nhà nước		3.466			

Handwritten signature

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Dự toán năm 2025 tính giao	Dự toán năm 2025	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
9	KP tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ đối với LL tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở năm 2024 theo NQ 70/2024/NQ-HĐND		4.618			
10	KP thực hiện NQ 77/2024/NQ-HĐND quy định hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn bản		1.067			
11	KP chỉnh trang đô thị tại TT huyện lỵ đạt đô thị Loại V		20.000	20.000		
12	KP triển khai đề án phát triển hệ thống đài tuyên thanh ứng dụng công nghệ thông tin		1.500	1.100		
13	KP kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, định giá đất		500			
14	KP thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số		850	595		
15	KP sắp xếp đơn vị hành chính		600	300		

Handwritten signature